

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/07/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	420	PVD2	7:25	22	0	22	0		
2	846	TD1+CLO	7:25	6+16	0+0	4+18	0+0		
3	424	PVD2+TD1	7:25	9+13	0+0	7+15	0+0		
4	420	PVD2+P4	9:25	6+14	0+0	6+16	0+0		
5	846	PPD	9:25	22	0	22	0		
6	424	RP1+RP3+PPD	9:25	1+20+1	0+0+0	1+18+3	0+0+0		

TTBDSX

Ghi Chú : 1/3NG(1CB+1PETROSETCO+1XAYLAP) ĐI PPD QUA ĐIỂM PVD2, 2 NG TỪ (P2 VÀ PPD) VỀ BỜ QUA PVD2



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/07/2017	TO: PVD2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Khang - Hải - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGỌC LÊ	PVD2	13-14	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
2	RICK DIPPOLD	PVD2	25-26	2	10		80	KHOAN	American
3	MARK ALLARD	PVD2	28	1	10		95	KHOAN	British
4	NONG VAN GIANG	PVD2	29	1	12		74	KHOAN	Vietnamese
5	CU DINH TUNG	PVD2	30	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
6	VU DINH SANG	PVD2	12	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
7	DANG KHAC DUONG	PVD2	18-19	2	16		76	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN HOANG VU	PVD2	17	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN QUANG TAI	PVD2	27	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
10	TRINH BA BINH	PVD2	10	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
11	BUI VAN CHINH	PVD2	20	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
12	VO VAN HOAT	PVD2	31	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN HUU THANH	PVD2	11	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
14	LE THANH TUNG	PVD2	08	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM XUAN TIEN	PVD2	32	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN TRONG THUAN	PVD2	15	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN VAN TRINH	PVD2	21	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
18	PHAM LE MINH TRI	PVD2	16	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
19	VU VAN THUONG	PVD2	24	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
20	DINH VAN CHAU	PVD2	09	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
21	PHAN VAN TUOC	PVD2	22	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
22	LE VAN NAM	PVD2	23	1	7		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	22	25	170	1.590	0	22		
	TOTAL	22	25	170	1.590	0	22		
	WEIGHT KG			170	1.590	0			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04-Jul-17	TO: TD1 - CLO	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Vận - DUONG - DKHÁNH	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SMAKOV A.A	TD1	52	1	7	35	82	KHOAN	Russian
2	BUI VAN HUNG	TD1	51	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	BUI VAN LUAN	TD1	34	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN DINH NAM	TD1					75	KHOAN	Vietnamese
5	TRUONG HUU PHUOC	TD1	49-50	2	18		60	YTE	Vietnamese
6	NGUYEN TRONG HUNG	TD1	48	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
7	PHAN QUANG HIEN	CLO	76	1	5	55	63	KHOAN	Vietnamese
8	TÔ QUANG TUAN	CLO	62	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN THANH	CLO	64	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
10	ĐINH XUAN PHU	CLO	74-75	2	8		74	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN KHOA	CLO	68	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
12	PHUNG BA TUAT	CLO	66	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN ĐANG BAO	CLO	72	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
14	ĐỖ TRƯỜNG GIANG	CLO	63	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN CONG BANG	CLO	71	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
16	LE VAN LO	CLO	69-70	2	8		58	KHOAN	Vietnamese
17	VU VAN ĐANG	CLO	61	1	5		54	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN MINH TUAN	CLO	73	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN VAN HAI	CLO	65	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
20	IANCHENKO	CLO	60	1	10		79	ANTOAN	Russian
21	NGUYEN VAN HIEN	CLO	67	1	5		73	DVL	Vietnamese
22	HỒ VĂN ĐỨC	CLO	58-59	2	7		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	6	6	40	432	35	4		
2	CLO	16	19	92	1.093	55	18		
TOTAL		22	25	132	1.525	90	22		
WEIGHT KG				132	1.525	90			

GRAND TOAL: 1.747 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/07/2017	TO: PVD2 - TD1	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Cương - TDUNG - THẢO	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI XUAN DIEP	PVD2	60	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
2	PHAM MINH HOA	PVD2	59	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
3	TONG VAN DAT	PVD2	57	1	3		61	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN TAN VUONG	PVD2	56	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
5	DANG DUC THIEN	PVD2	61	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
6	DANG QUAN MINH	PVD2	35	1	15	17	66	KHOAN	Vietnamese
7	DUONG VAN MANH	PVD2	58	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
8	LUU DINH TRONG	PVD2	63	1	12		72	KHOAN	Vietnamese
9	LUU BA XO	PVD2	62	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN THANH TUAT	TD1	34	1	6		52	KHOAN	Vietnamese
11	TRUONG XUAN TRUNG	TD1	33	1	3		69	KHOAN	Vietnamese
12	NINH DUC THUAT	TD1	31	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN HUY QUANG	TD1	37	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN QUANG LUONG	TD1	32	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
15	VU MANH HUNG	TD1	42-43	2	12		71	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN MANH TIEP	TD1	36	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
17	VU QUY VINH	TD1	38-39	2	9		74	KHOAN	Vietnamese
18	THAI DUC TOAN	TD1	46-47	2	10		64	KHOAN	Vietnamese
19	LUU THIEN DUC	TD1	30	1	5	35	62	KHOAN	Vietnamese
20	NIKITIN	TD1	35	1	5		88	ANTOAN	Russian
21	LA QUY DANH	TD1	40	1	6		65	DVL	Vietnamese
22	LUU HONG THU	TD1	41	1	7		51	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	9	9	71	627	17	7		
2	TD1	13	16	86	886	35	15		
TOTAL		22	25	157	1.513	52	22		
WEIGHT KG				157	1.513	52			

GRAND TOAL: 1.722 KGS

VSP.REP.

VNH.REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04-Jul-17	TO: PVD2 - P4	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Khang - Hải - HIẾU	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VƯƠNG KIẾN QUỐC	PVD2	66	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
2	MAI TRỌNG HẢI	PVD2	67-68	2	12		63	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ ANH TUẤN	PVD2					62	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN SỸ ANH TÚ	PVD2	69	1	10	21	65	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM HỒNG ĐIỀN	PVD2	71-72	2	12		68	PSV	Vietnamese
6	PHAN HỒNG TAM	PVD2	73	1	7		55	KHI	Vietnamese
7	ĐO HỮU ĐÌNH	PVD2	74-75	2	14		80	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN BẠCH DƯƠNG	P4	09	1	5	35	74	KHI	Vietnamese
9	BUI HỮU LÂN	P4	21	1	5	42	75	KHI	Vietnamese
10	LÊ VĂN HƯƠNG	P4	12	1	7		70	KHI	Vietnamese
11	TRẦN DUY KHƯƠNG	P4					90	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH CỬ	P4	10	1	7		77	KHI	Vietnamese
13	GIANG THANH TÙNG	P4	19	1	6		88	KHI	Vietnamese
14	LÊ NGỌC KỶ	P4	20	1	4		75	KHI	Vietnamese
15	HOÀNG HUY TIẾN	P4	11	1	8		59	KHI	Vietnamese
16	TRẦN VĂN LẠC	P4	13	1	18		90	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HÀ	P4	15-16	2	19		69	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN VĂN TÀN	P4	17-18	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐÌNH QUANG SƠN	P4	14	1	13		55	XAYLAP	Vietnamese
20	BUI QUANG NINH	P4	26	1	8		68	YTE	Vietnamese
21	NGUYỄN MẠNH TÙNG	P4	27-28	2	17		74	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	7	9	61	468	21	6		
2	P4	14	16	136	1.029	77	16		
TOTAL		21	25	197	1.497	98	22		
WEIGHT KG				197	1.497	98			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/07/2017	TO: PPD	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Vận - DUONG - DKHÁNH	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÂM QUANG NAM	PPD	97	1	5		60	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN VAN SANG	PPD	95	1	5		70	KHI	Vietnamese
3	PHẠM VĂN MUNG	PPD	90-92	3	17		78	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN THANH SƠN	PPD	93	1	10		50	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN MINH VIEN	PPD	85	1	10		75	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN ANH TAI	PPD	87	1	7		72	KHI	Vietnamese
7	VÔ TÁ QUANG	PPD	86	1	5		67	KHI	Vietnamese
8	ĐÌNH THẾ QUẢN	PPD	96	1	7		60	KHI	Vietnamese
9	PHÙNG QUANG THẮNG	PPD	79	1	5		78	KHI	Vietnamese
10	ĐỖ MINH ĐỨC	PPD	98	1	5		82	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN HA NIN	PPD	99	1	7		70	KHI	Vietnamese
12	VÔ ĐƠN LONG	PPD	94	1	15		67	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN HUU HAO	PPD	88	1	4		75	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN TRUONG SON	PPD	84	1	5		70	KHI	Vietnamese
15	TRẦN VĂN DUNG	PPD				110	70	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN ĐỨC NGỌC	PPD	200	1	5		70	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN HUY SƠN	PPD	81	1	5		76	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN ĐÌNH HUY	PPD	80	1	10		60	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN HUYNH	PPD	89	1	10		50	KHI	Vietnamese
20	LÊ ĐÌNH VŨ	PPD	491	1	5		70	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN QUY TÂN	PPD	82-83	2	10		75	KHI	Vietnamese
22	MOHD SAMARI	PPD	85-87	3	17		62	KHI	Malaysian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	26	169	1.507	110	22		
	TOTAL	22	26	169	1.507	110	22		
	WEIGHT KG			169	1.507	110			

GRAND TOAL: 1.786 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/07/2017	TO: RP1 - RP3 - PPD	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Cương - TDUNG - THẢO	ETA: 11:20
Trang - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ QUỐC VINH	RP1	56	1	6	45	70	PSV	Vietnamese
2	HỒ NGỌC HÙNG	RP3	58	1	5		80	D-HANH	Vietnamese
3	PHAN NGOC QUYET	RP3	57	1	5		73	D-HANH	Vietnamese
4	LE VAN DUNG	RP3	60	1	9		70	CODIEN	Vietnamese
5	ĐINH HOAI ĐỨC	RP3	61	1	5		64	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TÂN	RP3					65	KHI	Vietnamese
7	TU NGOC HAI	RP3	49	1	6		75	KHI	Vietnamese
8	LANH TRUNG ĐÔNG	RP3	56	1	3		60	KHI	Vietnamese
9	LE ĐỨC VIỆT	RP3	51	1	4		70	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN CHINH THI	RP3	64	1	4		75	KHI	Vietnamese
11	KRYLOV D.A	RP3	63	1	10		110	KHI	Russian
12	LE QUYET CHIEN	RP3	62	1	5		74	KHI	Vietnamese
13	PHAM DUY DUNG	RP3				40	77	KHI	Vietnamese
14	PHẠM TRUNG DUNG	RP3	67-69	3	18		80	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN VAN CU	RP3	50	1	7		60	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN TAT THANH	RP3	55	1	5		68	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN TRUNG KIEN	RP3					70	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN QUỐC BẢO BÌNH	RP3	59	1	33		64	KHI	Vietnamese
19	TRẦN SƠN HẢI	RP3	54	1	6		73	KHI	Vietnamese
20	KHÔNG TIÊN DUNG	RP3	53	1	4		80	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN LAM	RP3	52	1	8		86	ANTOAN	Vietnamese
22	VALEEV	RP3	65-66	2	18		85	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	1	1	6	70	45	1		
2	RP3	21	21	155	1.559	40	18		
3	PPD	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	22	161	1.629	85	22		
WEIGHT KG				161	1.629	85			

GRAND TOAL: 1.875 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN